TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS – ST
Ngày: 23/01/2024
V/v 'Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu
Các Hội thẩm nhân dân:
1/Ông Nguyễn Ngọc Tòng
2/Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân tham gia phiên toà: ông Nguyễn Hoàng Danh, kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2023/TLST - DS, ngày 12/12/2023, về việc: "Tranh chấp đòi lại tài sản". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST – DS, ngày 10 tháng 01 năm 2024; giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng Á, sinh năm 1966 (có mặt)
Cư trú: Tổ E, ấp H, xã N, huyện B, Vĩnh Long.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (có mặt)
Cư trú: Tổ 6, ấp T, xã T, thị xã B, Vĩnh Long.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan
Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 (xin vắng mặt)
Cư trú: Tổ G, ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản khai cùng ngày 7/12/2023 của bà Nguyễn Thị Á trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mộng Á có làm phần đất ruộng 12 công ở xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, từ trước đến nay phần đất của bà canh tác thì do bà Nguyễn Thị T xới đất, bà Tư x chỉ có 10 công vì có 02 công là đất lung bị lúng nên không xới được, khi làm xong vụ bà đều trả tiền đầy đủ cho bà T, không có thiếu lần nào. Đến vụ thu đông năm nay (năm 2023) khi vừa làm lúa xong và hàng sáo cân lúa của bà xong thì

ngày 28/8/2023 âm lịch bà cứ tính như mấy vụ trước thì bà đem tiền trả cho bà Nguyễn Thị Tư x1 10 công số tiền là 1.800.000 đồng và bà T nhận 1.800.000 đồng.

Khoảng vài ngày sau thì ông Nguyễn Văn S lại đến gặp bà để đòi tiền xới 12 công vụ thu đông năm 2023 tại vì ông S xới bằng máy nhỏ nên xới được 02 công đất lung. Sau đó bà mới nói với ông S là bà trả tiền xới cho bà T rồi, ông S mới nói là vụ thu đông năm 2023 là ông S xới đất cho bà 12 công chứ không phải bà T vì chính chồng bà T kêu ông S xới đất khu ruộng của bà. Sau đó bà có gặp bà T để yêu cầu bà T trả lại tiền xới đất cho bà để bà trả lại tiền xới đất cho ông S, sau đó bà T nói là tiền bà trả là trả tiền thiếu vụ trước và không đồng ý trả lại cho bà. Bà Á khẳng định là bà không có nợ tiền xới đất của bà T.

Trước sự việc trên thì bà Á có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M giải quyết, đến ngày 23/10/2023 thì Ủy ban nhân dân xã M có mời bà Á và bà T đến giải quyết nhưng bà T nói là bà Á trả 1.800.000 đồng là tiền bà nợ xới đất của vụ trước và không đồng ý trả lại cho bà.

Nay trước sự việc trên bà Nguyễn Thị Mộng Á yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết các vấn đề sau:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Mộng Á số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Trước đây lâu lắm rồi đất của bà Á thì bà Nguyễn Thị T liên tục xới đất cho bà Á nhiều vụ lúa, cho đến vụ lúa hè thu (vụ 2) năm 2023 bà vẫn còn xới cho bà Á 10 công, giá 1.800.000 đồng, trước giờ xong vụ lúa thì trả tiền xới, nhưng khi xong vụ thì bà đến đòi tiền xới thì bà Á không chịu trả và nói là xới không hết đất nên không trả tiền, sau đó từ vụ 3 thì bà giao cho ông S xới, bà không có xới cho bà Á nữa. Đến ngày 28/8/2023 âm lịch thì bà Á có đến trả cho bà số tiền 1.800.000 đồng và bà có nhận của bà Á 1.800.000 đồng. Khi trả tiền cho bà xong thì khoảng 5-6 ngày sau thì bà Á có đến gặp bà để đòi lại số tiền 1.800.000 đồng và bà Á còn nói là ông S xới đất cho bà mà sau bà lấy tiền xới, rồi sau đó bà mới nói là bà Á trả cho bà là trả tiền nợ vụ 2, còn bà trả cho ông S là phải trả 12 công, cho nên bà không đồng ý trả lại tiền cho bà Á.

Sau đó bà Á thưa bà ra Ủy ban nhân dân xã M, đến ngày 23/10/2023 thì Ủy ban nhân dân xã M mời bà và bà Á ra để giải quyết nhưng không thành.

Việc bà xới đất thì xong vụ thì bà mới lấy tiền xới, nhưng việc xới đất thì bà tự ghi sổ theo dõi chứ không có kêu chủ đất ký tên vào. Khi chủ đất làm lúa xong trả tiền thì bà cũng tự mình gạt sổ theo dõi.

Nay bà Á yêu cầu bà trả lại cho bà Á 1.800.000 đồng là bà không đồng ý trả.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông S có xới đất cho bà Á vụ lúa tháng 5/2023 là 12 công đất, ông xới rồi làm lúa xong mới trả tiền xới cho ông. Đến nay thì bà Á đã trả tiền cho ông xong rồi và đã trả luôn cho ông vụ tới luôn rồi, khi trả thì bà Á còn nói là từ nay về sau là bà không thiếu tiền xới ai nửa xới là trả luôn. Còn việc bà Á có thiếu bà Tư v xới nào hay không thì ông không có biết. Nay bà Á đã trả tiền xới cho ông rồi thì ông không

có yêu cầu gì trong vụ này. Nay ông S xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và khi xét xử sơ thẩm và phúc thẩm.

*Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà Nguyễn Thị Mộng Á trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại bà số tiền 1.800.000 đồng.

- Nguyễn Thị T trình bày: Bà không đồng ý trả lại bà Á số tiền 1.800.000 đồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng Á, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Mộng Á số tiền 1.800.000 đồng. Án phí: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị T. Lý do người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, thị xã B, Vĩnh Long, nhưng bà có ý kiến là thống nhất để Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết vì bà thường xuyên tới lui huyện B và có mặt tại địa phương căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2]Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Tòa án giải quyết đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn S xin vắng mặt tất cả các phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Mộng Á có làm phần đất ruộng 12 công ở xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, từ trước đến nay phần đất của bà canh tác thì do bà Nguyễn Thị T xới đất, bà Tư x1 chỉ có 10 công vì có 02 công là đất lung bị lúng nên không xới được, khi làm xong vụ là bà đều trả tiền đầy đủ cho bà T, không có thiếu lần nào. Đến vụ thu đông năm nay (năm 2023) khi vừa làm lúa xong và hàng sáo cân lúa của bà xong thì ngày 28/8/2023 âm lịch bà cứ tính như mấy vụ trước thì bà đem tiền trả cho bà Nguyễn Thị Tư x1 10 công số tiền là 1.800.000 đồng và bà T nhận 1.800.000 đồng.

Khoảng vài ngày sau thì ông S lại đến gặp bà để đòi tiền xới 12 công vụ thu đông năm nay (năm 2023) tại vì ông S xới bằng máy nhỏ nên xới được 02 công đất lung. Sau đó bà mới nói với ông S là bà trả tiền xới cho bà T rồi, ông S mới nói là vụ thu đông năm nay (năm 2023) là ông S xới đất cho bà 12 công chứ không phải bà T vì chính chồng bà T kêu ông S xới đất khu ruộng của bà. Sau đó bà có gặp bà T để yêu cầu bà T trả lại tiền xới đất cho bà để bà trả lại tiền xới đất cho ông S, sau đó bà T nói là tiền bà trả là trả tiền thiếu vụ trước và không đồng ý trả lại cho bà. Bà Á khẳng định là bà không có nợ tiền xới đất của bà T.

Bà Nguyễn Thị T thừa nhận là có nhận của bà Á số tiền 1.800.000 đồng là tiền xới đất, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật dân sự năm 2015. Nhưng bà T không đồng ý trả, lý do bà T cho rằng bà Á còn nợ tiền xới bà T vụ hè thu (vụ 2) năm 2023 chưa trả, nhưng bà Á không thừa nhận còn nợ tiền xới của bà T. Bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Á còn nợ tiền xới số tiền 1.800.000 đồng vụ hè thu (vụ 2) năm 2023. Vì sổ nợ bà T tự ghi, tự theo dõi, tự gạt nợ khi đã thu nợ xong, chủ ruộng là bà Á không biết. Lời trình bày của bà Nguyễn Thị T là không có cơ sở nên hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mộng Á là có cơ sở. Áp dụng Điều 166 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Mộng Á số tiền 1.800.000 đồng là hoàn tất.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[5]Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2, Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quãn lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mộng Á được chấp nhận. Nên buộc ông Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng, tuy nhiên bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên miễn án phí cho bà T.

+ Hoàn trả bà Nguyễn Thị Mộng Á số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0013251 ngày 12/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, b khoản 1, Điều 39; Điều 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 2, 3 Luật người cao tuổi;

điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quãn lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Mộng Á

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Mộng Á số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) là hoàn tất.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2]Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Miễn án phí cho Nguyễn Thị T, lý do người cao tuổi

+ Hoàn trả bà Nguyễn Thị Mộng Á số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0013251 ngày 12/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]Án xử công khai có mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng Á, bị đơn bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn S xin vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:
-TANDT Vĩnh Long;
-VKSNDH Bình Tân;
-THADSH Bình Tân;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

PHẠM THÀNH TỰU